

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG
NĂM 2020**

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020

Ngày 28 tháng 5 năm 2020

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
*	Đón tiếp Đại biểu	7h30-8h00	BTC
I	Chương trình Trù bị	8h00-8h30	Ông Đạt
1	Bầu đoàn chủ tịch; Thư ký (biểu quyết)		
2	Bầu Ban kiểm tra tư cách đại biểu kiêm Ban kiểm phiếu (biểu quyết)		
3	Thông qua quy chế Đại hội (biểu quyết)		Ông Đạt
II	Chương trình Đại hội		
1	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, giới thiệu đoàn chủ tịch, thư ký lên làm việc	8h30	Ông Đạt
2	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	8h35	Ông Tuấn
3	Thông qua Nội dung, Chương trình Đại hội (biểu quyết)	8h40	Ông Trường
4	Báo cáo tổng kết SXKD 2019, phương hướng 2020.	8h50	Ông An
5	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2019, phương hướng 2020.	9h20	Ông Trường
6	Công khai một số chỉ tiêu tài chính năm 2019; Tờ trình hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 (biểu quyết)	9h50	Bà Hoa
7	KH tài chính năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 (biểu quyết).	10h10	Bà Hoa
8	Báo cáo kiểm soát của BKS	10h20	Ông Tuấn
9	Tờ trình thù lao của HĐQT và BKS năm 2020 (biểu quyết).	10h40	Ông Chăm
10	Thảo luận	10h50	ĐCT
11	Đại biểu Tổng Công ty ĐTPHTT Đô Thị phát biểu	11h20	
12	Đáp từ	11h40	Ông Trường
13	Thông qua Nghị quyết Đại hội (biểu quyết)	11h45	Ông Trường
14	Chào cờ bế mạc	12h00	Ông Đạt

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2020

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cầu Đuống.

Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Công ty cổ phần Cầu Đuống được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cầu Đuống;
2. Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;
4. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
5. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 03 người: 01 Chủ tịch, 02 thành viên, được giới thiệu trước Đại hội và được Đại hội thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - 2.1. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 2.2. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - 2.3. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - 2.4. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.



2.5. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Đoàn thư ký Đại hội

Đoàn thư ký của Đại hội gồm 02 người, được giới thiệu trước Đại hội và được Đại hội thông qua. Đoàn thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về ghi chép tiến trình Đại hội và thực hiện các công việc được Đoàn Chủ tịch yêu cầu.

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách Đại biểu

Ban thẩm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 05 người có nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến dự họp và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông số lượng cổ đông dự họp đủ hoặc không đủ số lượng để tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người: 01 Trưởng ban và 04 thành viên, được giới thiệu trước Đại hội và được Đại hội thông qua. Có nhiệm vụ thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký; xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai theo hướng dẫn sau:

1. Đối tượng thực hiện biểu quyết: Cổ đông và người đại diện hợp pháp của cổ đông đủ điều kiện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Hình thức biểu quyết:

2.1. Những vấn đề tại Đại hội sẽ được thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết để biểu quyết (bao gồm cả các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội).

14997-C
TY
HÂN
UÔNG
H-T.P.

2.2. Đối với những nội dung phát sinh sẽ do Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội xem xét quyết định hình thức biểu quyết khác nếu cần.

3. Cách thức biểu quyết:

3.1. Đối với hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm đếm và ghi nhận lại các lựa chọn biểu quyết sau đó tập hợp lại kết quả và chuyển cho Thư ký và Đoàn chủ tịch để thông báo trước Đại hội.

- Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.

- Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành và/hoặc không tán thành và/hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.

- 3.2. Đối với Phiếu Biểu Quyết (nếu có): Đoàn chủ tịch sẽ xin ý kiến Đại hội.

4. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

+ Tổ chức lại, giải thể công ty.

+ Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

5. **Khiếu nại:** Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Đoàn chủ tịch giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 8. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.



Vũ Đình Trường

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO
TỔNG KẾT SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2020

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Năng lực tài chính tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đưa gạch vào các công trình lớn nên thúc đẩy quá trình sản xuất.
- Thời tiết thuận lợi cho sản xuất gạch.

2. Khó khăn

- Lượng hàng tồn kho lớn, chất lượng xuống cấp do để lâu ngày, hiệu quả SXKD kém do giá bán thấp mặc dù lượng bán tăng hơn so với năm 2018. Công tác tiêu thụ của Công ty cũng như các đơn vị cùng ngành trong khu vực rất khó khăn bởi áp lực cạnh tranh của các tỉnh lân cận, đồng thời sự cạnh tranh không bình đẳng của các đơn vị tư nhân rất khốc liệt.
- Công tác quản lý nhà nước về sử dụng đất ngày càng chặt chẽ nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc khai thác sử dụng mặt bằng, chi phí thuế đất cao làm tăng giá thành sản phẩm.
- Chi phí tiền lương cùng bảo hiểm tăng đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Do thị trường gạch khó khăn, giá bán thấp ảnh hưởng đến các đơn vị thuê khoán sản xuất vật liệu giảm khả năng tiếp tục duy trì hợp đồng.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019.

1. Thực hiện kế hoạch sản lượng sản xuất VLXD

- Tổng doanh thu tại công ty đạt 38,93 tỉ đồng bằng 139% so với năm 2018. Các chỉ tiêu cụ thể thể hiện ở *Phụ lục số 1 "Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019"*.
- Doanh thu tăng ở tất cả các hoạt động của Công ty, trong đó tăng nhiều nhất ở lĩnh vực xây lắp lên đến 356% mặc dù chỉ thực hiện trong 6 tháng đầu năm sau đó dừng hoạt động.

1.1 Sản xuất vật liệu xây dựng

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):

+ Dừng lò 2 lần đầu năm và đầu quý 3 do công tác tiêu thụ chậm đồng thời tiến hành cải tạo sửa chữa lò nung sáy.

+ Thực hiện sản xuất 13.621.261 viên, tương ứng 16.382.005 viên QTC bằng 60,7% so kế hoạch và 63% so với năm 2018, trong đó tăng cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói lên gần 8,3%. Lượng tiêu thụ toàn công ty bằng 137%

lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho giảm từ 13,4 tr viên năm 2018 xuống còn 8,615 triệu viên năm 2019.

- **Vật liệu xây dựng không nung:**

+ Đối với gạch không nung và ngói màu: Tiêu thụ hàng tồn kho được 582.986 viên các loại tương đương 737.129 viên QTC bằng 221% so với kế hoạch, lượng tồn kho cuối năm còn 321.655 viên.

Doanh thu vật liệu không nung thực hiện 508 triệu đồng bằng 193% so cùng kỳ năm 2018 và 183% so với KH.

1.2 Lĩnh vực cơ khí, xây lắp:

- Tiếp tục thi công và thu hồi công nợ các hợp đồng dở dang; Xí nghiệp Cơ khí đạt doanh thu 363,2 triệu đồng; xây lắp đạt 7,512 tỷ đồng. Từ 01/7/2019 ngừng hoạt động tại lĩnh vực này, giao cho các đơn vị thu hồi công nợ theo Nghị quyết HĐQT.

1.3 Công tác thuê khoán, liên doanh hợp tác:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê và liên doanh đạt 13,799 tỷ đồng.

Hoạt động thuê khoán:

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng. Đến nay các đơn vị đã hoàn thành việc thanh toán tiền thuê khoán năm 2019.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn. Việc thuê khoán tại Xí nghiệp Cầu Đuông đã thương thảo gia hạn hợp đồng với Công ty CP VLXD Cầu Đuông ngay trước khi Hợp đồng hết hiệu lực với giá thuê khoán trước thuế từ tháng 3 năm 2020 là 2,7 tỷ đồng/năm, thời gian gia hạn là 1 năm. Với kết quả này Công ty không mất thời gian và chi phí bàn giao, tuy nhiên giá trị giảm 800 triệu/năm so với hợp đồng trước.

Hoạt động liên doanh hợp tác:

- Đã điều chỉnh các hợp đồng liên doanh và cho thuê nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

- Ký lại hợp đồng hợp tác đối với Công ty TNHH HDWOOD VIET NAM trong việc thuê khoán và sử dụng 4.983 m² tại khu đất Xí nghiệp Cơ khí xã Mai Lâm.

Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên trong việc thanh toán của các đơn vị sản xuất gạch có tình trạng chậm trả do tình hình sản xuất khó khăn.

2. Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:

- Nhìn chung công tác chất lượng vẫn duy trì ổn định, tăng cường cán bộ kỹ thuật giám sát xuyên suốt quy trình nhằm giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất. Việc phân loại sản phẩm được chú trọng thực hiện, các khâu, các bộ phận đều được thường xuyên nhắc nhở thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín của công ty.

- Tiếp tục duy trì sử dụng than xít để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền nghiền sa một vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Cuối năm đã tiến hành nhập đất, chất lượng tương đối tốt,

010
C
C
A
NG

lượng dự trữ tăng nên chủ động trong sản xuất. Tỷ lệ phẩm cấp tăng và tiêu hao vật tư vẫn được duy trì tiết kiệm hơn so với định mức.

- Quản lý máy móc thiết bị: Công tác bảo dưỡng luôn được chủ động thực hiện và sửa chữa kịp thời tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất. Sử dụng biến tần điều chỉnh tốc độ động cơ của thiết bị đã tăng cường làm chủ công nghệ, giảm chi phí điện năng và tăng năng suất ca máy. Đối với hệ thống quạt sử dụng biến tần dễ dàng điều chỉnh chế độ nung đốt dẫn đến tiết kiệm điện và than trong khâu nung đốt. Đầu tư cơ giới hóa gần như 100% các công đoạn, lắp hệ thống tời, điều khiển từ xa, ... nhằm cải thiện điều kiện cho người lao động.

Kết quả Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí than điện tại xí nghiệp Mai Lâm với hơn 12 tấn than và 13 nghìn kw điện so với định mức.

3. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

Để khắc phục khó khăn về tiêu thụ sản phẩm, Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Thay đổi nhân sự làm công tác thị trường, chú trọng, sâu sát đến các yêu cầu tại công trình của nhà thầu thi công hay giám sát công trình nhằm đáp ứng được yêu cầu tiến độ cũng như chất lượng của công trường.

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có nhu cầu lớn mà thị trường đang thiếu như gạch 6 lỗ, 2 lỗ 80; tiếp tục khai thác hợp đồng về các loại sản phẩm có giá trị cao như ngói, gạch bát, đặt hàng phục chế.

- Chú trọng phát triển thêm đại lý và điều chỉnh cơ chế chính sách về giá, chiết khấu nhằm tăng cường tiêu thụ các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao. Đã có biện pháp điều chỉnh sản xuất khớp với yêu cầu của thị trường nhằm giảm các chi phí ra lò, bốc xếp nhằm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm đưa vào công trình.

4. Tổ chức, lao động, tiền lương:

-Tổ chức:

Sau khi Đại hội cổ đông, HĐQT đã bổ nhiệm Tổng giám đốc mới; Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành rà soát, phân công lại nhiệm vụ cho bộ máy quản lý công ty cho phù hợp với điều kiện sản xuất mới của doanh nghiệp, trên tinh thần kiêm nhiệm thêm công việc và hạn chế các khâu trung gian để tiết giảm chi phí và tăng hiệu quả công việc. Đến tháng 11 năm 2020 đã bổ nhiệm 01 phó Tổng giám đốc.

- Lao động, việc làm:

+ Đặc thù sản xuất gạch là ngành nặng nhọc, lại ở địa bàn gần Hà Nội, sức hấp dẫn lao động rất thấp nên tình trạng lao động nghỉ việc mà không tuyển thêm được. Hiện tại xí nghiệp Mai Lâm chỉ còn 57 lao động trực tiếp, nhờ việc đầu tư, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất giảm được hao phí lao động nên đã hạn chế tình trạng thiếu lao động.

+ Đào tạo công nhân có khả năng thành thạo một việc, biết làm được nhiều việc để bố trí thay thế khi cần thiết, tăng tính chủ động trong sản xuất.

- Tiền lương:

+ Công ty áp dụng việc trả lương theo thang bảng lương doanh nghiệp, đến năm 2019 đã áp dụng với mức lương cơ sở vùng 1 là 4.180.000 đồng. Xây dựng lại thang bảng lương và cải tiến phương pháp trả lương phù hợp hơn với từng bộ phận trực tiếp, gián tiếp trên cơ sở gắn với từng công việc cụ thể. Tiền lương của cán bộ quản lý được xây dựng trả theo kết quả SXKD, cán bộ kỹ thuật được xây dựng trả theo kết quả sản xuất.

+ Rà soát lại định mức đơn giá tiền lương, điều chỉnh phù hợp với việc đổi mới công nghệ.

Tiền lương 2019 do dùng lò nhiều nên thu nhập bình quân người lao động chỉ đạt 5,6 triệu đồng, bằng 97% so với năm 2018.

5. Công tác tài chính.

+ Do thuận lợi về tình hình tài chính nên mặc dù tiêu thụ chậm nhưng Công ty vẫn phục vụ đủ và kịp thời cho sản xuất; Năm 2019 phần tài chính dôi dư đã lựa chọn được Ngân hàng có lãi cao hơn nhằm tăng hiệu quả tiền gửi.

+ Duy trì tốt các quy định quản lý Công ty về quản lý tài chính, tài sản, vật tư.

6. Giải quyết hồ sơ đất đai:

Tiếp tục phối hợp với các ban ngành chức năng và thuê đơn vị tư vấn giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai. Các việc đã giải quyết đến nay như sau:

Khu đất XN Mai Lâm, XN Không nung tại xã Dục Tú: Đã ký được hợp đồng thuê đất mới với thời hạn hàng năm; Hiện tại đang gửi hồ sơ đến Sở tài nguyên và môi trường xin cấm mốc giới.

Khu đất nhà cơ khí tại xã Mai Lâm: Các đơn vị liên quan như Sở TNMT, Sở Quy hoạch kiến trúc và Phòng TNMT huyện Đông Anh xác định hiện trạng sử dụng để tiếp tục làm việc với Viện Quy hoạch kiến trúc để xác định chỉ giới đường đỏ, Sở Tài nguyên Môi trường trình Thành phố ra Quyết định xác định đơn giá thuê đất với Cục thuế để ký gia hạn Hợp đồng và xin chỉ lệnh cấm mốc giới.

Hồ sơ đất của XN Cầu Đuông: Đang ký hợp đồng với đơn vị đo đạc để xác định phần diện tích được sử dụng (không thuộc phạm vi bảo vệ kè Yên Viên); Sau đó xin Thành phố ra Quyết định cho thuê đất trên diện tích mới, xác định đơn giá thuê đất với Cục thuế để ký gia hạn Hợp đồng và xin chỉ lệnh cấm mốc giới.

Hồ sơ đất của XN Sóc Sơn: Công ty đang tiếp tục làm việc với Sở Tài nguyên Môi trường và Cục thuế xin xác định lại giá thuê đất.

8. Kết quả

Với kết quả đạt được như trên, dự kiến Công ty có lãi năm 2019 là 3,015 tỷ đồng. Cụ thể:

- Xí nghiệp Mai Lâm (SX VLXD): kế hoạch lãi 6 triệu đồng - thực hiện lỗ 1,818 tỷ đồng - không đạt kế hoạch (năm 2018 lỗ 1,057 tỷ đồng).
- Xí nghiệp không nung (bán sản phẩm tồn kho): kế hoạch lỗ 354 triệu đồng - thực hiện lỗ 184,3 triệu đồng (năm 2018 lỗ 57 triệu đồng).
- Hoạt động thuê khoán và hợp tác kinh doanh: kế hoạch lãi 4,079 tỷ đồng - thực hiện lãi 4,893 tỷ đồng - đạt 120% so với kế hoạch, bằng 95,2% so với cùng kỳ.
- Hoạt động tài chính tiền gửi: kế hoạch lãi 550 triệu đồng - thực hiện lãi 804,7 triệu đồng - đạt 146% so với kế hoạch, bằng 116,5% so với cùng kỳ.

III. TỒN TẠI:

1. Nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên liệu đất không nhiều do đó việc bố trí nhận đất phụ thuộc nhiều vào đơn vị cung ứng, chất lượng lẫn tạp chất khó kiểm soát do nguồn gốc chủ yếu vẫn là khai thác tại các công trình xây dựng. Việc quy hoạch kho bãi chứa đất cùng với kế hoạch nhận đất không ổn định nên khó kiểm soát được tỷ lệ pha trộn làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

2. Công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm:

- Về công nghệ: do thời gian dừng lò nhiều nên một số công nhân có tay nghề cao đã nghỉ việc, do đó công nhân mới được đào tạo còn chưa đủ kinh nghiệm để xử lý các vấn đề về chế độ nung đốt.
- Kỹ thuật đôi khi vẫn còn để sản phẩm gạch đặc bị nổ vỡ nhiều do đất sản xuất quá ẩm ướt, thời tiết nồm, độ ẩm cao.

3. Công tác thị trường - tiêu thụ sản phẩm:

- Sản phẩm đến công trình phụ thuộc nhiều vào đại lý, tiếp thị về phương tiện vận chuyển và phương thức giao nhận. Chưa tiếp cận được trực tiếp với nhà thầu hoặc chủ đầu tư do vậy giá bán thường bị đẩy cao khó tiếp cận vào công trình.
- Sản phẩm đôi khi không sản xuất kịp nên không đáp ứng được tiến độ công trình nên khách hàng chuyển đơn vị cung ứng khác..
- Việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm trong nội bộ với Tổng Công ty đã được triển khai nhưng giá bán thấp không hiệu quả.

4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

4.1 Tổ chức:

- Việc tuyển dụng, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực kế cận nhằm duy trì và phát triển Công ty còn có phần hạn chế. Công tác tư tưởng, tạo dựng niềm tin cho người lao động còn kém hiệu quả do đó không tuyển dụng thêm được người có năng lực, một số cán bộ xin chuyển công tác.

4.2 Lao động:

+ Công tác tổ chức sắp xếp lao động còn chưa hợp lý ở các công đoạn như ra lò, bốc xếp, va gông nên, đồng thời việc kỷ luật chưa nghiêm dẫn đến ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm..

+ Việc tuyển chọn lao động không thực hiện được, công việc nặng nhọc nên không giữ được lao động; các bộ phận cần có trình độ tay nghề cao như vận hành, đốt lò dần mai một.

4.3 Tiền lương: Thu nhập của người lao động đã đạt được mức lương tối thiểu vùng. Tuy nhiên mức thu nhập giữa các tổ có sự chênh lệch. Thu nhập bình quân toàn công ty chỉ đạt 5,6 triệu đồng/người.

5. Công tác tài chính - kế toán

- Chưa tận dụng hết nguồn lực để nâng thêm thu nhập từ mặt bằng, nhà xưởng để cho thuê do chưa hoàn thiện hết thủ tục đất đai.
- Công tác đôn đốc thu hồi công nợ của các Hợp đồng thuê khoán vẫn còn tình trạng chậm thanh toán.

7. Giải quyết hồ sơ đất đai

- Công tác triển khai hồ sơ đất đai triển khai chậm do phải khắc phục các tồn tại trước đây để thời gian trôi đi quá dài.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Dự báo tình hình

Dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 sẽ ở mức trung bình do vẫn còn tiếp tục khó khăn bởi sự cạnh tranh của những đơn vị tư nhân trong khu vực nhưng Công ty đã và đang tiếp cận được một số công trình có lượng tiêu thụ lớn.

- Chi phí sản xuất khả năng tiếp tục tăng như chi phí về môi trường, tiền lương, bảo hiểm xã hội...
- Tình hình thời tiết sẽ khắc nghiệt hơn ảnh hưởng đến sản xuất.
- Ngành sản xuất gạch đem lại hiệu quả không cao nên hiệu quả thuê khoán các đơn vị làm gạch sẽ giảm.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (Phụ lục 2)

Mục tiêu:

- Duy trì ổn định sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty lãi : 4,186 tỷ đồng.
- Doanh thu: 28,121 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu VLXD: 18,445 tỷ đồng
 - + Doanh thu từ cho thuê khoán, tiền gửi: 9,676 triệu đồng

3. Các biện pháp chủ yếu

3.1 Công tác đầu tư :

- Đầu tư xây dựng nhà kho tại Xí nghiệp Mai Lâm với diện tích khoảng 1.500m² để khai thác hiệu quả việc sử dụng đất.

3.2 Sản xuất:

Vật liệu xây dựng nung:

- Kế hoạch sản xuất tại các Xí nghiệp: Xí nghiệp Mai Lâm tắt lò 1 tháng do tiêu thụ chậm.
- Về sản phẩm:
 - + Gạch lỗ các loại: 75%
 - + Gạch đặc: 17%
 - + Ngói, gạch bát, gạch không trát: 8%

3.3 Cung cấp nguyên liệu:

- Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đất ổn định để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất tại các xí nghiệp. Duy trì nguồn nguyên liệu than nhiệt thấp ổn định hơn trước có giá thành rẻ để bổ xung cho nguồn sa một hiện có.

3.4 Công tác thị trường:

- Kết hợp việc điều tiết sản xuất sản phẩm linh hoạt, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm và chính sách giá cả theo yêu cầu hợp lý của khách hàng.
- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, ký thêm hợp đồng đại lý. Nghiên cứu xây dựng lại các chính sách bán hàng cho phù hợp để thúc đẩy đại lý tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh chính sách phù hợp để tiêu thụ gạch không nung và ngói màu tồn kho.

- Chủ động và đa dạng hóa các kênh vận chuyển để cung cấp cho khách hàng sản phẩm có giá đến công trình phù hợp nhất.

3.5 Công tác kỹ thuật, quản lý máy móc thiết bị, an toàn:

- Phát huy hiệu quả việc đầu tư tại XN Mai Lâm, duy trì ổn định sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí lao động, than, điện.

- Chất lượng sản phẩm: Nâng cao chất lượng sản phẩm giá trị cao về hình thức mẫu mã, chi tiêu cơ lý, nghiên cứu tăng năng lực sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ cấp hàng khi có hợp đồng. Phân đầu cải thiện công nghệ sản xuất giảm tỷ lệ phế phẩm và tiêu hao vật tư thấp hơn định mức. Giữ vững uy tín về thương hiệu sản phẩm.

- Quản lý máy móc thiết bị: đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng SP. Duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị ổn định phục vụ cho sản xuất.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị cơ giới để nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo sản xuất được an toàn.

3.6 Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

Tổ chức:

- Sát nhập quản lý văn phòng và các xí nghiệp thành một bộ máy chung quản lý toàn công ty. Phân công lại chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân, loại bỏ dần các khâu trung gian.

Lao động:

Đối với bộ máy quản lý:

- Tiếp tục rà soát, tinh giảm biên chế, phân công lại chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân, loại bỏ dần các khâu trung gian, tránh chồng chéo, lãnh phí, giảm chi phí tiền lương.

- Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nhân viên quản lý theo hướng mỗi cá nhân cần có năng lực quản lý trực tiếp điều hành một mặt cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tự chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Đối với Công nhân:

- Đối với lao động có trình độ, tay nghề cần có biện pháp khuyến khích tạo điều kiện để yên tâm công tác.

- Đào tạo, hướng dẫn công nhân làm được nhiều việc trong dây chuyền để chủ động trong việc điều hành sản xuất.

- Tìm biện pháp cơ giới hóa khâu ra lò để giảm hao phí lao động, kết hợp với việc triển khai bán gạch trên goòng để giảm chi phí khâu ra lò.

Phấn đấu tăng năng suất giảm dần hao phí lao động xuống còn 2,2 người/triệu viên.

Tiền lương:

+ Tiếp tục điều chỉnh lại định mức lao động, đơn giá tiền lương các loại sản phẩm cho sát với thực tế nhằm khuyến khích lao động.

3.7 Công tác tài chính:

- Giải quyết dứt điểm công tác thu hồi công nợ tồn đọng và các vấn đề tồn tại về tài chính.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm giá thành, tăng giá trị sản phẩm đầu ra. Tích cực thu hồi công nợ, thanh toán kịp thời cho các khoản vay, nợ.

- Duy trì tiền gửi tại Ngân hàng có lãi cao hơn tăng hiệu quả của phần tài chính dôi dư.

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.

- Tìm thêm các đối tác cung ứng vật tư để nâng cao tính cạnh tranh, giảm chi phí đầu vào.

3.8 Hoạt động cho thuê khoán, liên doanh:

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng.
- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn từng năm một, cần tính toán lại chi phí cho phù hợp với thị trường.
- Nghiên cứu điều chỉnh hợp đồng cho đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.
- Đối với xí nghiệp không nung: Thanh lý khi hết hạn hợp đồng, chuyển sang phương thức hoạt động khác.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Hoàn thiện nốt hệ thống cấp nước sạch về Công ty.
- Đầu tư lắp dựng 2 nhà xưởng khung thép để các đối tác thuê ở Mai Lâm.
- Cải tạo nhà kho than cũ để cho thuê.
- Xây hoàn chỉnh nốt hệ thống tường rào bảo vệ biên giới ở Xí nghiệp Mai Lâm sau khi bàn giao xong mốc giới.
- Sửa chữa một số mái lợp nhà phơi cũ.
- Sơn bảo vệ bên ngoài nhà làm việc 3 tầng văn phòng Công ty.

5. Công tác quản lý đất đai:

- Tích cực làm việc với cơ quan chức năng để hoàn thiện các trình tự thủ tục để đến giai đoạn ký Hợp đồng thuê đất và xác định mốc giới.
- Trên đây là Bản báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019, kết quả chưa đạt được theo kế hoạch Ban điều hành xin nhận lỗi với toàn thể các cổ đông và trình bày phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020 và các biện pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2020.
- Kính mong các quý vị cổ đông đóng góp ý kiến cho Ban điều hành về các mặt để mong rằng kết quả được tốt đẹp hơn.
- Kính chúc các quý vị đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu Cty, KHKT.



Ngô Thành An

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So với cùng kỳ 2018	So với kế hoạch 2019
A	TẠI CÁC ĐƠN VỊ						
1	Xí nghiệp Mai Lâm		Tất lò 01T	Tất lò 02T	Tất lò 04T		
	Sản lượng sản xuất QTC	viên	26.017.121	27.000.000	16.382.005	62,97%	60,67%
	Sản lượng tiêu thụ QTC	viên	14.351.032	27.000.000	18.275.345	127,35%	67,69%
	Doanh thu	Tr.đ	13.038	19.084	15.942,6	122,28%	83,54%
2	XN VL không nung						
	Sản lượng tiêu thụ	viên		264.081	582.986		220,76%
	Doanh thu	Tr.đ	264	277	508,2	192,84%	183,30%
B	TOÀN CÔNG TY						
I	Sản lượng sản xuất QTC	viên	26.017.121	27.000.000	16.382.005	62,97%	60,67%
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	28.001	35.972	38.931	139,03%	108,23%
1	VLXD	"	12.914	19.361	16.451	127,39%	84,97%
2	Xây lắp	"	2.108	5.000	7.512,4	356,38%	150,25%
3	Cơ khí	"	2.055	2.000	363,2	17,67%	18,16%
4	Thu khoán+hợp tác kinh doanh+kha	"	10.922	9.611	10.645,2	97,47%	110,76%
5	Hoạt động khác	"	0	0	3.155		
6	Tiền gửi có kỳ hạn	"		-	804,7		
III	Sản lượng tiêu thụ QTC	viên	14.671.659	27.264.081	18.858.331	128,54%	69,17%
IV	Lợi nhuận	Tr.đ	4.537	4.345	3.015	66,46%	69,40%
1	VLXD	"	-1.464,7	-354	-2.003	136,76%	565,85%
	- Vật liệu nung	"			-1.818		
	- Vật liệu không nung	"			-184		
2	Xây lắp	"	0	50	0		
3	Cơ khí	"	0	20	0		
4	Thu khoán + hợp tác kinh doanh +k	"	5.141	4.079	4.893	95,17%	119,95%
5	Hoạt động khác	"	320,1	0	-678,9		
6	Tiền gửi có kỳ hạn	"	540,7	550	804,7	148,82%	146,31%
V	Nộp ngân sách		8.282	100% QĐ	10.136	122,39%	
VI	Thu nhập BQ/ng/T (gồm BHXH)	Ng.đ	5.770	5.500	5.600	97,05%	101,82%

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020
A	TẠI CÁC ĐƠN VỊ		
1	Xí nghiệp Mai Lâm		Tất lò 1 tháng
	Sản lượng sản xuất QTC	viên	24.200.000
	Sản lượng tiêu thụ QTC	viên	24.200.000
	Doanh thu	Tr.đ	18.191
2	XN VL không nung		
	Sản lượng tiêu thụ	viên	108.900
	Doanh thu	Tr.đ	253,6
B	TOÀN CÔNG TY		
I	Sản lượng sản xuất QTC	viên	24.200.000
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	28.721
1	VLXD	"	18.445
2	Xây lắp	"	0
3	Cơ khí	"	0
4	Thu khoán+hợp tác kinh doanh+khác	"	9.676
5	Tiền gửi có kỳ hạn	"	600
III	Sản lượng tiêu thụ QTC	viên	24.308.900
IV	Lợi nhuận	Tr.đ	4.666
1	VLXD	"	-189
	- VLXD nung	"	12,5
	- VLXD không nung	"	-201,1
2	Xây lắp	"	0
3	Cơ khí	"	0
4	Thu khoán + hợp tác kinh doanh +khác	"	4.255
5	Hoạt động khác	"	Theo thực tế
6	Tiền gửi có kỳ hạn		600
V	Nộp ngân sách		100% QĐ
VI	Thu nhập BQ/ng/T (gồm BHXH)	Ng.đ	5.500

Hà Nội, Ngày 06 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
CỦA HĐQT CÔNG TY CP CẦU ĐUÔNG NĂM 2019
ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020
(Trình Đại hội cổ đông năm 2020)

Kính thưa các quý vị Đại biểu
Kính thưa các quý vị Cổ đông

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và quan điểm chính trị khác biệt càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Năm 2019 tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%. Tuy nhiên mức tăng trưởng năm nay đã thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018.

Đối với Hoạt động xây dựng tăng trưởng đạt khoảng 9 - 9,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong đó gạch xây đạt 26 tỷ viên (QTC) đạt kế hoạch và tương đương so với cùng kỳ năm 2018, trong đó gạch nung là 20 tỷ viên (QTC), gạch không nung khoảng 6 tỷ viên (QTC).

Như vậy, mặc dù hoạt động xây dựng tăng trưởng hơn 9% nhưng mức cầu sản lượng gạch xây vẫn như năm 2018, trong khi mức cung của các doanh nghiệp vẫn tăng dẫn tới mặt hàng gạch xây bị ứ đọng, không tiêu thụ hết. Việc này đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và hoạt động cho thuê khoán các xí nghiệp vật liệu xây dựng của công ty. Từ đó ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp.



I. Kết quả SXKD năm 2019.

- SP sản xuất quy TC: 16,38 triệu viên đạt 60,67 % KH, bằng 62,97% so với năm 2018.

- Doanh thu (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác) là: 38,93 tỷ đồng đạt 108,23% kế hoạch, bằng 139,03% so với năm 2018.

- Nộp ngân sách: 10,13 tỷ đồng đạt 100% theo quy định, bằng 122,39% so với năm 2018.

- Thu nhập bình quân: 5,6 triệu đồng/người/tháng, đạt 101,82 % KH, bằng 97,05% so với năm 2018.

- Lợi nhuận lãi 3,01 tỷ đồng; kế hoạch 2019 lãi 4,345 tỷ đồng bằng 69,40% so với kế hoạch và bằng 66,46% so với 2018 (lãi 4,537 tỷ đồng)

Trong đó:

+ Xí nghiệp Mai Lâm lỗ: - 1,81 tỷ đồng

+ Xí nghiệp Cầu Đuống lãi: 2,07 tỷ đồng.

+ Xí nghiệp Sóc Sơn lãi: 1,68 tỷ đồng.

+ Xí nghiệp Không nung lỗ: - 0,18 tỷ đồng.

+ Thoái vốn Bắc Kạn lỗ: - 0,15 tỷ đồng

+ Thuê khoán, hợp tác đầu tư, bán vật tư lãi: 1,32 tỷ đồng

+ Các hoạt động khác lỗ: - 0,71 tỷ đồng.

+ Tiền gửi có kỳ hạn lãi : 0,80 tỷ đồng.

Nguyên nhân năm 2019 toàn công ty chỉ lãi 3,01 tỷ đồng, đạt 69,40% kế hoạch chính là do XN Mai Lâm ngừng sản xuất 04 tháng do hàng hóa cũ tồn đọng quá nhiều, chất lượng kém, xuống cấp nghiêm trọng. HĐQT Công ty đã rất quyết liệt trong khâu tiêu thụ hàng tồn kho, làm việc với Tổng Công ty ĐTPT Hạ tầng Đô thị UDIC để cấp gạch cho các đơn vị thi công của Tổng Công ty tại KĐT Nam Thăng Long. Tuy nhiên thị trường gạch trong năm vừa qua cung vượt cầu nhiều, giá bán các đơn vị tư nhân trên địa bàn rất thấp, để tiêu thụ được các sản phẩm cũ, Công ty đã hạ giá bán dưới giá thành (với giá bán vẫn cao hơn các đơn vị khác) dẫn tới sản lượng tiêu thụ tăng, doanh thu tăng nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng bị lỗ trên 1,8 tỷ đồng.

Như vậy, kết quả SXKD năm 2019 chưa đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

II . Hoạt động của HĐQT năm 2019 :

Năm 2019 là năm kết thúc nhiệm kỳ 2014-2019. Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2019 đã tiến hành bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 05 thành viên.

Năm 2019 HĐQT họp 08 phiên với các nội dung:

- Tổng hợp phân tích kết quả SXKD năm 2018, xây dựng phương hướng SXKD năm 2019, nhiệm kỳ 2019-2024.

- Tiến hành Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 tại công ty Cầu Đuống theo đúng kế hoạch.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác nhân sự. Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới, bổ nhiệm mới Ban giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc Trung tâm tư vấn, bổ nhiệm lại các trưởng phòng, giám đốc Xí nghiệp.

- Thay đổi Đăng ký doanh nghiệp do bổ nhiệm Tổng giám đốc mới làm người đại diện pháp luật.

- Xóa bỏ việc cho thuê mặt bằng đối với các hợp đồng hết hạn, triển khai cho thuê tài sản theo hình thức tự đầu tư tài sản hoặc đi thuê tài sản, thuê tài chính để cho thuê, cụ thể:

+ Công ty đã đi thuê trạm trộn và cho công ty Hợp Thành thuê lại tại khu đất XN Không Nung với thời hạn 03 năm, kể từ 01/06/2019-31/5/2022.

+ Đầu tư xưởng cơ khí với diện tích 780m² tại khu đất XN Không Nung cho công ty Toàn Linh thuê làm xưởng cơ khí.

- Quy hoạch lại mặt bằng Mai Lâm, một mặt chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Mặt khác đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho để tận dụng mặt bằng dư thừa thực hiện đầu tư tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. HĐQT đã giao cho Tổng giám đốc lập dự toán xây dựng dãy nhà xưởng sau văn phòng và sau phòng bán hàng để cho thuê. Tìm khách hàng thuê lại kho than than pha số 2 công ty không có nhu cầu sử dụng.

- Đối với hoạt động xây lắp, cơ khí, để đảm bảo an toàn tài chính công ty, HĐQT đã thống nhất dừng hoạt động từ ngày 01/07/2019, giao cho các đơn vị thu hồi công nợ theo Nghị quyết.

- Nghiên cứu triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp gồm XD Cầu Đuống sau khi hết hạn cho thuê khoán lần 2 vào ngày 29/02/2020.

- Tiếp tục triển khai việc trả lương của cán bộ quản lý theo kết quả SXKD để tăng tính tích cực, chủ động của cán bộ trong điều hành.

- Quyết liệt trong triển khai các công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty. Kết quả ngày 02/03/2020 đã ký được Hợp đồng thuê đất khu trụ sở công ty và XN Mai Lâm, sau khi khu đất này hết thời hạn thuê từ năm 2016. Hiện công ty đang làm thủ tục cắm mốc giới.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I, II, III, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

*** Kiểm điểm hoạt động của HĐQT :**

Năm 2019 HĐQT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội cổ đông. Đặc biệt chú trọng đến sản xuất Vật liệu xây dựng để giữ gìn thương hiệu của công ty và đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động, song hoạt động sản xuất gạch nung gặp nhiều khó khăn do công nghệ, thị trường và cả nhân lực kỹ thuật làm cho chất lượng thấp, phế phẩm cao, lượng tồn kho những năm trước để lại quá lớn, giá hạ liên tục mà tiêu thụ vẫn chậm.

Việc hoàn thiện thủ tục hồ sơ đất, việc triển khai đầu tư tài chính và nhiều vấn đề phát sinh khác cần được giải quyết trong khi nguồn lực của doanh nghiệp có hạn, đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện làm giảm nguồn thu của doanh nghiệp.

Mặc dù HĐQT có nhiều cố gắng nhưng lợi nhuận công ty không đạt kế hoạch. Lợi nhuận chỉ đạt 69,4% so với kế hoạch, đây là trách nhiệm của HĐQT cũng như Ban điều hành đã không hoàn thành nhiệm vụ, chưa tìm ra giải pháp khả thi để khắc phục khó khăn. HĐQT xin nhận lỗi với Đại hội cổ đông.

*** Đánh giá cụ thể các mặt chưa làm được :**

- Cơ cấu SP vẫn chủ yếu là gạch đặc và 2 lỗ, chất lượng sản phẩm chưa ổn định (phế phẩm không đạt yêu cầu), còn sử dụng nhiều lao động cho nên chi phí cao, dẫn đến không cạnh tranh được với tư nhân trong điều kiện cung vượt cầu.

- Tình trạng thiếu hụt công nhân trực tiếp sản xuất do sản xuất kinh doanh thua lỗ. Do đó chưa có điều kiện nâng cao thu nhập vì vậy không tuyển được lao động mới, trong khi lao động cũ ngày càng mai một.

- Trình độ năng lực của cán bộ nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, còn thụ động trong công việc, chưa đề xuất được giải pháp

khả thi để giải quyết khó khăn, thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, tăng cường tiêu thụ.

- Yếu kém trong công tác kỹ thuật, công nghệ: Tỷ lệ phế phẩm cao, chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu.

- Việc triển khai làm hồ sơ thủ tục thuê đất chưa hoàn thành theo kế hoạch của đại hội cổ đông và HĐQT công ty.

- Chưa tận dụng tối đa mặt bằng tại các khu đất để đầu tư tài chính tăng thêm nguồn thu cho doanh nghiệp. Triển khai còn chậm chạp.

III . Định hướng 2020.

1. Dự báo tình hình:

- Theo đánh giá của các chuyên gia, kinh tế Việt Nam năm 2020 sẽ có triển vọng tăng trưởng tốt hơn năm 2019, các biến động lớn tiêu cực ít có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020 được cho là tương đối cao và khá thách thức nền kinh tế trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và nền kinh tế trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro lớn.

- Thực tế Quý 1/2020 kinh tế Việt Nam đã bị ảnh hưởng của Dịch COVID-19. Dịch bệnh đã, đang và sẽ ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của nước ta; ảnh hưởng tới tâm lý người dân trong xã hội, đặc biệt là lực lượng lao động, gây thiếu hụt lao động tức thời, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Đối với các dự án đã đầu tư có khả năng sẽ hoãn lại dẫn đến tăng vốn đầu tư, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng.

- Giá thuê đất của công ty sẽ có xu hướng tăng do Đông Anh đang hoàn thành thủ tục thành lập Quận.

- Nguyên liệu đất không ổn định, khó mua hơn ảnh hưởng chất lượng sản phẩm.

- Công nghệ sản xuất gạch nung đã chuyển từ giai đoạn sử dụng nhiều lao động lên cơ giới hóa, tự động hóa, sử dụng ít lao động

- Thị hiếu người tiêu dùng ngày càng yêu cầu đa dạng mặt hàng: tuy nhiên nếu sản xuất đa dạng, công ty có lợi là có nhiều loại sản phẩm cung cấp ra thị trường, nhưng bất lợi là phải thường xuyên thay đổi loại sản phẩm trong quá trình nung đốt hoặc phải xếp kèm nhiều loại sản phẩm trên một gòng dẫn tới khó ổn định được sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm và có thể sẽ có nhiều sản phẩm loại 2 hơn.

- Cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vẫn sẽ rất khốc liệt do quá nhiều các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng nhà máy

mới, họ có nhiều lợi thế về nguồn nguyên vật liệu, giá thuê đất, công nghệ mới, cơ chế bán hàng linh hoạt....

- Năm 2020 sẽ là năm tiếp tục khó khăn trong hoạt động SXKD vật liệu xây dựng và thu hút đầu tư của công ty.

2. Định hướng SXKD năm 2020 :

-Tiếp tục phấn đấu thực hiện KH SXKD đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã đề ra.

2.1 Mục tiêu cụ thể năm 2020:

- SP sản xuất quy đổi TC : 24,2 triệu viên.
- Doanh thu đạt: 28,72 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định.
- Thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng.
- Lợi nhuận: 4,66 tỷ đồng.

2.2 Định hướng SXKD :

- Công ty khẩn trương hoàn thiện cấm mốc giới tại XN Mai Lâm, thủ tục đất đai ở các XN Cầu Đuống, XN Cơ Khí trong năm 2020.

- Tiến hành quy hoạch các khu đất của công ty, căn cứ mục đích sử dụng đất, tiến hành đầu tư, thuê mua tài chính, thiết bị, tài sản để tự kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh, cho thuê, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế vị trí đất của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện công nghệ tại XN Mai Lâm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại sản phẩm chất lượng tính cạnh tranh cao, hiệu quả để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

- Nghiên cứu đầu tư hướng kinh doanh mới nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng của công ty.

- Chuẩn bị các điều kiện để đầu năm 2021 chuyển cổ phiếu từ sàn Upcom lên sàn HNX

3. Một số giải pháp cần thực hiện năm 2020:

Năm 2020 là năm thứ 2 của nhiệm kỳ HĐQT 2019-2024 đề nghị TGD và bộ máy quản lý tập trung quyết liệt hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- *Về hồ sơ đất:* Tích cực tìm hiểu, liên hệ với cơ quan chức năng, tìm kiếm sự hỗ trợ của các cổ đông để hoàn thành hồ sơ đất đai của các khu đất đã hết hạn thuê.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng nung:*

+ Cần tuyển dụng cán bộ quản lý sản xuất công nghệ có năng lực, trả lương theo chất lượng sản phẩm.

+ Thăm quan học tập nâng cao năng lực trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân, bộ máy quản lý sản xuất của Xí nghiệp Mai Lâm nâng cao hiệu quả việc đầu tư đổi mới công nghệ.

+ Mở rộng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng tiềm năng để đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm có lãi như gạch 6 lỗ đã thực hiện trong quý 4/2019. Kiện toàn lại hệ thống đại lý, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt và chủ động.

+ Lập kế hoạch truyền thông, củng cố việc quản lý trang Web quảng bá hình ảnh công ty để quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu công ty.

+ Tăng cường khảo sát thị trường để biết cần sản xuất những sản phẩm gì phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện của công ty.

+ Xây dựng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sát với thực tế sản xuất theo hướng khuyến khích, có lợi cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ.

+ Thực hiện nghiêm các qui định, nội qui về ATLĐ chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường cho công ty, sức khỏe người lao động.

+ Hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng xuất lao động để động viên khuyến khích người lao động hoàn thành kế hoạch.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng Không Nung:*

Đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng tồn kho, thanh lý máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng, lấy mặt bằng tiến hành đầu tư tài chính.

- *Về Đầu tư tài chính:*

+ Trước mắt tập trung vào các khu đất chưa sử dụng tại XN Mai Lâm, Không Nung vì đã có hợp đồng thuê đất và mốc giới. Trong quý 3/2020 hoàn thành dựng nhà xưởng khu đất sau văn phòng và nhà bán hàng để đưa vào SXKD.

+ Xây dựng phương án đầu tư tài chính khu đất XN Cầu Đuống sau khi hết hạn hợp đồng thuê khoán sản xuất gạch nung.

- *Về hoạt động thuê khoán:*

Công ty thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện hợp đồng thuê khoán, kiểm tra tình trạng sử dụng đất của các đơn vị thuê khoán, không để phát sinh việc tự ý xây dựng, coi nói. Bảo toàn lợi ích của công ty, đảm bảo an ninh chính trị, môi trường, tuân thủ các qui định của pháp luật. Kiện toàn lại hồ sơ pháp lý để tránh rủi ro khi kết thúc, bàn giao lại các XN hợp đồng thuê khoán.

Kính thưa các Quý vị Đại biểu, Quý vị Cổ đông.

Năm 2020 chắc chắn còn nhiều khó khăn thách thức đặt ra yêu cầu cao đối với HĐQT và Ban điều hành. Chúng tôi tin tưởng với sự ủng hộ và chia sẻ của các quý vị cổ đông, sự đồng tâm hợp lực của cán bộ công nhân viên công ty, chắc chắn công ty sẽ từng bước vượt qua khó khăn thử thách tiếp tục vững bước phát triển.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các ý kiến, các kế sách thiết thực của các quý vị cổ đông đã đóng góp cho HĐQT, ban điều hành trong năm 2019. Và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các quý vị cổ đông để HĐQT và ban điều hành có những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2020 và cả nhiệm kỳ.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội cổ đông về công tác quản trị 2019 và định hướng SXKD năm 2020.

Kính mong các quý vị cổ đông đóng góp ý kiến cho HĐQT về các mặt công tác để HĐQT hoàn thiện và triển khai thực hiện.

Kính chúc các quý vị Đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.


Vũ Đình Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 - QL 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

CÔNG KHAI CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH*(Báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2020)*

I/ Các chỉ tiêu tài chính trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	35,635,712,498	44,265,473,921
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,360,731,843	1,655,828,749
1	Tiền	2,360,731,843	1,655,828,749
2	Các khoản tương đương tiền		
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12,000,000,000	9,000,000,000
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12,000,000,000	9,000,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	6,820,358,501	14,561,358,642
1	Phải thu của khách hàng	6,186,875,832	6,569,987,804
2	Trả trước cho người bán	117,500,000	87,501,547
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn		
6	Các khoản phải thu khác	600,060,107	8,074,481,729
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(84,077,438)	(170,612,438)
IV	Hàng tồn kho	13,959,838,117	18,539,770,479
1	Hàng tồn kho	14,104,757,952	19,160,254,356
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(144,919,835)	(620,483,877)
V	Tài sản ngắn hạn khác	494,784,037	508,516,051
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	0	0
2	Thuế GTGT được khấu trừ	0	0
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	494,784,037	508,516,051
4	Tài sản ngắn hạn khác	0	0
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	20,612,952,554	22,622,959,571
I	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II	Tài sản cố định	17,159,008,374	18,528,826,747
1	Tài sản cố định hữu hình	17,159,008,374	18,528,826,747
	<i>Nguyên giá</i>	<i>73,445,299,988</i>	<i>71,898,450,450</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(56,286,291,614)</i>	<i>(53,369,623,703)</i>
III	Bất động sản đầu tư	2,656,363,636	2,656,363,636
	<i>Nguyên giá</i>	<i>2,656,363,636</i>	<i>2,656,363,636</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
IV	Tài sản dở dang dài hạn	17,169,717	259,556,000
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17,169,717	259,556,000
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	225,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	0	0
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	0	225,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	0	0
V	Tài sản dài hạn khác	780,410,827	953,213,188
1	Chi phí trả trước dài hạn	780,410,827	953,213,188
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56,248,665,052	66,888,433,492



STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
A	NỢ PHẢI TRẢ	10,962,323,964	19,000,321,729
I	Nợ ngắn hạn	10,957,323,964	18,997,750,602
1	Phải trả người bán	899,433,436	713,734,661
2	Người mua trả tiền trước	135,743,756	13,931,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,425,570,695	1,623,661,185
4	Phải trả người lao động	716,865,064	748,742,401
5	Chi phí phải trả	63,074,200	63,076,000
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	6,620,814,889	14,462,034,681
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	987,900,000	1,427,329,114
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	107,921,924	(54,758,440)
II	Nợ dài hạn	5,000,000	2,571,127
1	Doanh thu chưa thực hiện	5,000,000	2,571,127
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	45,286,341,088	47,888,111,763
I	Vốn chủ sở hữu	45,086,341,088	47,688,111,763
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34,649,950,000	34,649,950,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	769,975,000	769,975,000
5	Cổ phiếu quỹ	(840,000)	(840,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	7,426,111,917	7,426,111,917
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,241,144,171	4,842,914,846
13	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0	0
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	200,000,000	200,000,000
1	Nguồn kinh phí	200,000,000	200,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56,248,665,052	66,888,433,492

II/ Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2019:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,047,128,449	28,001,207,000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,047,128,449	28,001,207,000
4	Giá vốn hàng bán	27,613,619,426	17,096,619,169
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,433,509,023	10,904,587,831
6	Doanh thu hoạt động tài chính	804,695,107	540,730,299
7	Chi phí tài chính	247,113,308	18,169,233
8	Chi phí bán hàng	873,120,437	711,837,084
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,316,219,317	6,079,059,740
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,801,751,068	4,636,252,073
11	Thu nhập khác	1,800,000	486,949,974
12	Chi phí khác	788,154,129	585,976,613
13	Lợi nhuận khác	(786,354,129)	(99,026,639)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,015,396,939	4,537,225,434
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	774,982,929	817,927,256
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,240,414,010	3,719,298,178
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	0	0
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Cty CP Cầu Đuống	2,240,414,010	3,719,298,178



III/ Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

I/ Kết quả sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp trên công ty:

Năm 2019, hoạt động SXKD tại các Xí nghiệp cụ thể như sau:

- Lỗ tại Xí nghiệp Mai Lâm:	(1,818,829,511)	97
- Lãi tại Xí nghiệp Cầu Đuống:	2,077,856,472	13
- Lãi tại Xí nghiệp Sóc Sơn:	1,680,736,300	23
- Lỗ tại Xí nghiệp Không nung:	(184,280,468)	48
- Lỗ từ thoái vốn Bắc Kạn:	(152,146,000)	63
- Lãi từ hoạt động cho thuê khác, hợp tác đầu tư, bán vật tư:	1,327,184,168	62
- Lỗ từ hoạt động khác:	(719,819,129)	27
- Lãi hoạt động tài chính:	804,695,107	54
Cộng KQKD tại các Xí nghiệp và hoạt động cho thuê:	3,015,396,939	2
Chi phí thuế TNDN	774,982,929	2
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,240,414,010	

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2020



Ngô Thành An



STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019
A	NỢ PHẢI TRẢ	10,962,323,964	19,000,321,729
I	Nợ ngắn hạn	10,957,323,964	18,997,750,602
1	Phải trả người bán	899,433,436	713,734,661
2	Người mua trả tiền trước	135,743,756	13,931,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,425,570,695	1,623,661,185
4	Phải trả người lao động	716,865,064	748,742,401
5	Chi phí phải trả	63,074,200	63,076,000
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	6,620,814,889	14,462,034,681
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	987,900,000	1,427,329,114
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	107,921,924	(54,758,440)
II	Nợ dài hạn	5,000,000	2,571,127
1	Doanh thu chưa thực hiện	5,000,000	2,571,127
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	45,286,341,088	47,888,111,763
I	Vốn chủ sở hữu	45,086,341,088	47,688,111,763
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34,649,950,000	34,649,950,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	769,975,000	769,975,000
5	Cổ phiếu quỹ	(840,000)	(840,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	7,426,111,917	7,426,111,917
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,241,144,171	4,842,914,846
13	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0	0
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	200,000,000	200,000,000
1	Nguồn kinh phí	200,000,000	200,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56,248,665,052	66,888,433,492

II/ Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm 2019:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,047,128,449	28,001,207,000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,047,128,449	28,001,207,000
4	Giá vốn hàng bán	27,613,619,426	17,096,619,169
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,433,509,023	10,904,587,831
6	Doanh thu hoạt động tài chính	804,695,107	540,730,299
7	Chi phí tài chính	247,113,308	18,169,233
8	Chi phí bán hàng	873,120,437	711,837,084
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,316,219,317	6,079,059,740
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,801,751,068	4,636,252,073
11	Thu nhập khác	1,800,000	486,949,974
12	Chi phí khác	788,154,129	585,976,613
13	Lợi nhuận khác	(786,354,129)	(99,026,639)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,015,396,939	4,537,225,434
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	774,982,929	817,927,256
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,240,414,010	3,719,298,178
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	0	0
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Cty CP Cầu Đuống	2,240,414,010	3,719,298,178



Số: 05/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

Phương án sử dụng một phần Quỹ đầu tư phát triển hoàn lại Lợi nhuận sau thuế

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cầu Đuông;

Căn cứ hướng dẫn phương pháp kế toán khi sử dụng Quỹ ĐTPT và Thặng dư vốn cổ phần tại Công văn số 4227/BTC-QLKT ngày 12/04/2018 của Cục quản lý giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài Chính.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cầu Đuông trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua phương án sử dụng một phần Quỹ đầu tư phát triển hoàn lại Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nội dung cụ thể như sau:

1. Quỹ đầu tư phát triển hiện có: 7.426.111.917 đồng
2. Số tiền hoàn lại về LNSTCPP: 692.982.200 đồng
3. Quỹ đầu tư phát triển còn lại: 6.733.129.717 đồng
4. Thời gian thực hiện dự kiến: trong quý 2/2020
5. Mục đích của việc dùng Quỹ đầu tư phát triển hoàn lại Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Để chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2020, đảm bảo tỷ lệ cổ tức đạt 8% vốn điều lệ.
6. Ủy quyền thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT đề b/c;
- Lưu VT.



Vũ Đình Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 - quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Năm 2019

- Nguồn lợi nhuận dùng để phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo kết quả Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo kết quả Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019

+ Hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển

- Căn cứ phân phối lợi nhuận: Điều 48 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cầu Đuông. Căn cứ thông tư 19/2003/TT- BTC. Căn cứ Nội dung tờ trình phương án dùng một phần Quỹ ĐTPT hoàn lại Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua

CHIA CỔ TỨC BẰNG TIỀN

STT	Khoản mục	Quy định mức trích	Số tiền	Ghi chú
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2,934,126,371	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2019		2,240,414,010	
3	LNSTCPP được hoàn lại từ Quỹ ĐTPT		692,982,200	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		730,161	
II	Phân phối các quỹ		162,197,571	
1	<i>Phân phối lợi nhuận sau thuế các quỹ</i>			
1.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tối đa 10%	74,173,771	0.2%
1.2	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	3% - 5%	88,023,800	3%
III	Lợi nhuận sau khi phân phối để chia cổ tức		2,771,928,800	8%

Thời gian thực hiện dự kiến: trong quý 3/2020

Người lập

Nguyễn Thị Xuân Hoa



Ngô Thành An

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 - QL 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2020

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ 2020	Thực hiện 2019
1	Vật liệu xây dựng	18,444,980,000	18,633,533,312	-188,553,312	
	XN Mai Lâm	18,191,380,000	18,178,854,078	12,525,922	
	XN không nung	253,600,000	454,679,234	-201,079,234	
2	Thuê khoán + hợp tác kinh doanh	9,676,125,333	5,421,195,825	4,254,929,508	
	Liên doanh liên kết, cho thuê khác	3,672,792,000	2,171,779,039	1,501,012,961	
	Xí nghiệp Sóc Sơn	3,170,000,000	1,379,987,381	1,790,012,619	
	Xí nghiệp Cầu Đuông (thuê khoán)	2,833,333,333	1,869,429,405	963,903,928	
3	Hoạt động khác				
4	Tiền gửi có kỳ hạn	600,000,000		600,000,000	
	Tổng cộng	28,721,105,333	24,054,729,137	4,666,376,196	

Người lập

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020



Tổng giám đốc

Ngô Thành An

Số: 06/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/V: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cầu Đuống hiện hành, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định nội dung sau:

Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE) hoặc Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn một trong hai công ty kiểm toán nêu trên vì các lý do sau đây:

- Cả hai công ty nêu trên đều có tên trong danh sách các công ty kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đây là hai trong những công ty kiểm toán có uy tín tại Việt Nam;

- Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần Cầu Đuống trong những năm qua đều do Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE) thực hiện và đạt kết quả tốt, đảm bảo về chất lượng, thời gian, đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Cầu Đuống đã sử dụng nhiều dịch vụ định giá cổ phần và định giá tài sản của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.



Vũ Đình Trường

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
CỦA BKS CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cầu Đuống;

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Cầu Đuống;

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Cầu Đuống, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cầu Đuống đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cầu Đuống báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 các nội dung chính như sau:

**A/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD, HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY NĂM 2019**

Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, đánh giá các báo cáo sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty CP Cầu Đuống. Kết quả kiểm tra cụ thể:

I/Đánh giá kết quả hoạt động tài chính năm 2019:

- Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty : (Biểu số 01)

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	Chênh lệch	% Biến động
		1	2	3 = 2 - 1	4 = 3/2
A	Tổng tài sản	66,888,433,492	56,248,665,052	(10,639,768,440)	-16%
1	Tài sản ngắn hạn	44,265,473,921	35,635,712,498	(8,629,761,423)	-19%
2	Tài sản dài hạn	22,622,959,571	20,612,952,554	(2,010,007,017)	-9%
B	Tổng nguồn vốn	66,888,433,492	56,248,665,052	(10,639,768,440)	-16%
1	Nợ phải trả	19,000,321,729	10,962,323,964	(8,037,997,765)	-42%

	Nợ ngắn hạn	18,997,750,602	10,962,323,964	(8,035,426,638)	-42%
	Nợ dài hạn	2,571,127	-	(2,571,127)	-100%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	47,888,111,763	45,286,341,088	(2,601,770,675)	-5%
C	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn				
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.66	0.63	(0.03)	-4%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0.34	0.37	0.03	8%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0.28	0.19	(0.09)	-31%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0.72	0.81	0.09	12%
D	Khả năng thanh toán				
1	Tỷ số thanh toán nhanh	0.56	1.31	0.75	134%
2	Tỷ số thanh toán tiền mặt	0.09	0.22	0.13	147%
3	ROA	5.56	3.98	(1.58)	-28%
4	ROE	10.73	6.47	(4.26)	-40%

• **Nhận xét và phân tích hoạt động tài chính như sau:**

- Về biến động tài sản, nguồn vốn trong năm 2019 : Tổng tài sản, nguồn vốn giảm 10,6 triệu đồng , tương ứng giảm 16% . Trong đó chủ yếu giảm khoản phải thu, hàng tồn kho, đầu tư tài chính dài hạn . Giảm nợ phải trả .
- Hệ số tự tài trợ : Tổng nợ phải trả chỉ chiếm 19% - 28% tổng nguồn vốn được đánh giá là tốt chủ yếu do nội lực, không phụ thuộc vào nguồn lực bên ngoài (Năm 2018 : 19,0/66,8 triệu đồng = 28%; Năm 2019 : 10,9/56,2 triệu đồng = 19%)
- Khả năng thanh toán nhanh năm 2018 dưới 0,6 là dấu hiệu xấu nhưng năm 2019 khả năng thanh toán nhanh tăng đến 1,31 lần chứng tỏ doanh nghiệp đã đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- Khả năng chi trả bằng tiền mặt của DN chỉ từ 0,09 đến 0,22 đều < 0,65 đều là dấu hiệu không xấu. Tình hình cho thấy để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong thời gian tới, công ty đều phải dựa vào dòng tiền vào trong năm tới. Tỷ lệ nợ phải trả/ nợ phải thu > 1 chứng tỏ DN đang đi chiếm dụng vốn. Sẽ là tốt nếu các khoản nợ đến hạn đều trong hạn.
- Khả năng thanh toán lãi vay từ 27 -32 lần chứng tỏ lợi nhuận DN tạo ra thừa khả năng thanh toán lãi vay.
- ROA năm 2018 là 5,56%, năm 2019 giảm còn 3,98% + ROA thấp hơn mặt bằng lãi suất ngân hàng → chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản giảm.
- ROE cho ta biết khả năng sinh lời / Vốn cổ phần năm 2018 là 10,73%; năm 2019 giảm còn 6,47% do lợi nhuận giảm nhiều hơn VCSH. Nếu ROE < lãi suất ngân hàng, chứng tỏ khả năng sử dụng vốn kém.

0100
CƠ
CỔ
ĐÁU
SNG A

- Tỷ trọng nợ phải thu / tổng tài sản, tỷ trọng nợ phải trả/ tổng tài sản đều dưới 35% vẫn được đánh giá là tốt, hơn nữa tỷ trọng có xu hướng giảm là dấu hiệu đáng mừng.

II. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 :

(Biểu 2 Báo cáo KQKD 2019) (biểu 3 KQ thực hiện KHTC 2019)

1/ Kết quả lợi nhuận của Công ty năm 2019 giảm lợi nhuận còn 3.015 tỉ đạt 69,40% so với kế hoạch và bằng 66,46% so với năm 2018 là do một số nguyên nhân ảnh hưởng đến giảm lợi nhuận năm 2019 :

a/Công ty có phát sinh tiền truy thu , phạt chậm nộp tiền thuê đất số tiền là 774,1 triệu đồng

- Lý do phạt chậm nộp Công ty Cổ phần Cầu Đuống được Nhà nước cho thuê 5 thửa đất tại 2 xã Mai Lâm, Dục Tú- Đông Anh có diện tích : Mai Lâm : 4.983 m² ; Dục Tú: 92.562 m². Căn cứ chính sách miễn giảm tiền thuê đất trong giai đoạn 2011-2014 Công ty đã có văn bản gửi cơ quan thuế xin miễn giảm tiền thuê đất . Tại biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Đông Anh và Công ty Cổ phần Cầu Đuống ngày 1/3/2016 thì số tiền thuế Công ty còn nợ đến 1/3/2016 là 2.258.905.615đ . Số tiền chậm nộp cơ quan thuế tính lãi khoản nợ quá hạn

b/Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH gồm XD Bắc Kan : Ngày 19/10/2011 Công ty góp vốn số tiền 275.000.000đ ; Từ năm 2014 đến năm 2018 số tiền vốn thu về là 50.000.000đ ; Theo Biên bản họp HĐQT của Công ty TNHH Gồm XD Bắc Kan ngày 15/4/2019, Công ty đã tiến hành phân chia số tiền còn của công ty đến ngày 31/12/2018 và Công ty đã tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể . Ngày 17/4/2019 Công ty CP Cầu Đuống thu về 72.854.000đ . Như vậy tổng số vốn thu về là 122.854.000đ/ 275.000.000đ vốn đã đầu tư ($\approx 44,67\%$). Số tiền lỗ được hạch toán vào chi phí HĐTC năm 2019 .

c/ Lợi nhuận năm 2019 giảm so với 2018: từ 4,5 còn 3 tỷ (tỉ lệ giảm 34%), tỉ lệ LN trên doanh thu cũng giảm từ 16,2% còn 7,93% chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng.

2/ Hiệu quả sử dụng vốn

Hệ số vòng quay HTK tăng từ 0,92 lần, lên 1,98 lần năm 2019 cho thấy DN đã chú ý đến khâu tổ chức tiêu thụ HTK, kế hoạch dự trữ HTK hợp lý hơn

Tương tự vòng quay tổng tài sản, vòng quay VCSH tăng được đánh giá là tốt.

B/ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2019

Năm 2019 Ban kiểm soát đã thực việc giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2019. HĐQT đã đề ra nhiều biện pháp và chỉ đạo cho Ban điều hành trong công tác quản lý - điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế đối với một số chỉ tiêu còn thấp hơn so với kế hoạch năm 2019, Cụ thể như sau

- Sản xuất vật liệu xây dựng:

- Trong năm, Công ty đã dừng lò Mai Lâm 02 lần với thời gian là 04 tháng, (trong đó 1 lần dừng để sửa chữa), nhưng chất lượng vẫn không ổn định, tỉ lệ A1/A của gạch 2 lỗ N và đặc T đạt thấp (74,77% và 88,73 %). Sản lượng sản xuất chỉ đạt trên 16 triệu viên bằng 60,67% kế hoạch năm 2019. Bên cạnh đó, do lượng tồn kho từ đầu năm lớn, phẩm cấp thành phẩm giảm. Lượng tiêu thụ đạt 69,17% so với kế hoạch 2019.

- Công ty thiếu cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về sản xuất vật liệu. Hiện tại, toàn Công ty không có kỹ sư công nghệ. Mặc dù Công ty thường xuyên đăng tuyển nhưng không tiếp nhận được cán bộ kỹ thuật nào. Một phần là do mức thu nhập thấp cũng như cơ chế đãi ngộ chưa khuyến khích được thỏa đáng.

- **Tiêu thụ:** Công ty chưa được tốt do giá bán vẫn ở mức cao khó cạnh tranh được trên thị trường. Nếu giảm giá bán để tăng tiêu thụ thì sẽ xảy ra lỗ do chi phí giá thành đang còn ở mức cao.

- **Hoạt động thuê khoán:** tại 4 xí nghiệp Cầu Đuống, Sóc Sơn, Cơ khí và Không nung tiếp tục có hiệu quả. Trong đó: doanh thu đạt 10,645 tỉ đồng bằng 110,76% so với kế hoạch 2019. Riêng với xí nghiệp không nung giảm lỗ xuống còn 184 triệu đồng.

- **Lợi nhuận:** năm 2019 chỉ đạt trên 3 tỉ đồng bằng 69,40% so kế hoạch và bằng 66,46% so với cùng kỳ 2018; nguyên nhân như đã phân tích phần Tài chính. Nhưng còn 1 nguyên nhân đó là SXVL năm nay lỗ của Xí nghiệp Mai lâm tăng lên 1,8 tỉ đồng(năm 2018 lỗ 1,057 tỉ) do giá bán sản phẩm cũ tồn kho thấp.

*** Kiến nghị: năm 2020**

- Tuyển dụng cán bộ kỹ thuật chuyên sâu trong sản xuất và nung đốt sản phẩm.

- Hoàn thiện quy hoạch mặt bằng được phê duyệt tại Mai Lâm nhằm tận dụng mặt bằng làm kho – xưởng cho thuê.

- Tiếp tục hoàn thiện dứt điểm các thủ tục về thuê đất của Công ty và tiến hành xây tường rào bảo vệ phía cuối lò nung.

- Chú trọng trong việc đôn đốc thu tiền thuê khoán tại các cơ sở mà Công ty cho thuê.

Trên đây là nội dung cơ bản BKS đã thực hiện giám sát năm 2019. Bước sang năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của cả nước đang cố gắng phục hồi sớm sau đại dịch CoV và Công ty là sẽ rất khó khăn mong rằng HĐQT và Ban Tổng giám đốc tiếp tục phát huy hết khả năng và đoàn kết để đem lại hiệu quả cao hơn nữa cho Công ty.

Kính chúc các quý cổ đông mạnh khỏe.

Xin trân trọng cảm ơn!

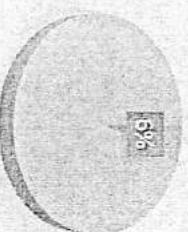
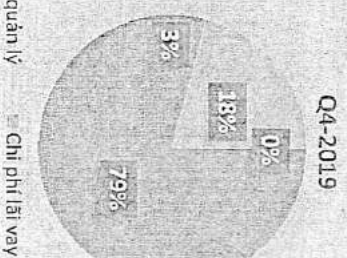
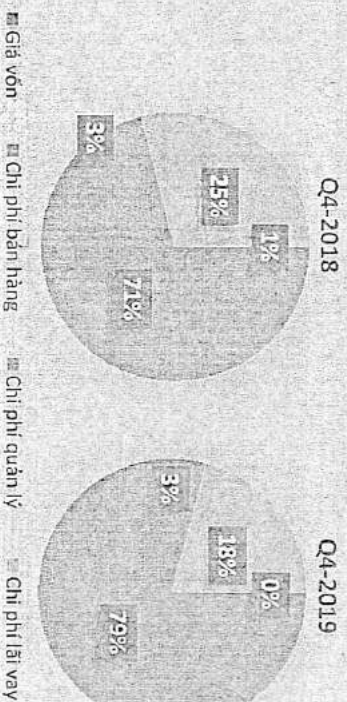


Nguyễn Đức Tuấn

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

TT	Chi tiêu kết quả kinh doanh	Phân tích, so sánh biến động giữa hai kỳ liên tiếp hoặc 2 kỳ chọn để đánh giá				ĐVT	VND				
		Kỳ PT Quý	Kỳ gốc 2018 Q4	% so với doanh thu thuần	Tỷ trọng chi phí			Kỳ phân tích 2019 Q4	% so với doanh thu thuần	Tỷ trọng chi phí	Biến động (+) Q4/2019- Q4/2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28,001,207,000	100%		38,047,128,449	100%		10,045,921,449	▲	36%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	0%		-	0%		-	▲	0%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28,001,207,000	100%		38,047,128,449	100%		10,045,921,449	▲	36%
4	Giá vốn hàng bán	11	17,096,619,169	61%	69.81%	27,613,619,426	73%	77.05%	10,517,000,257	▲	62%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	10,904,587,831	39%		10,433,509,023	27%		(471,078,808)	▼	-4%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	540,730,299	2%	0.07%	804,695,107	2%	0.69%	263,964,808	▲	49%
7	Chi phí tài chính	22	18,169,233	0%	0.69%	247,113,308	1%	0.69%	228,944,075	▲	1260%
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	168,780,738	1%	0.69%	94,967,308	0%	0.26%	(73,813,430)	▼	-44%
8	Chi phí bán hàng	24	711,837,084	3%	2.91%	873,120,437	2%	2.44%	161,283,353	▲	23%
9	Chi phí quản lý kinh doanh	25	6,079,056,740	22%	24.82%	6,316,219,317	17%	17.62%	237,159,577	▲	4%
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	4,636,252,073	17%		3,801,751,068	10%		(834,501,005)	▼	-18%
11	Thu nhập khác	31	486,949,974	2%		1,800,000	0%		(485,149,974)	▼	-100%
12	Chi phí khác	32	585,976,613	2%	2.39%	788,154,129	2%	2%	202,177,516	▲	35%
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(99,026,639)	0%		(786,354,129)	-2%		(887,327,490)	▲	694%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	4,537,225,434	16%		3,015,396,939	8%		(1,521,828,495)	▼	-34%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	817,927,256	3%		774,982,929	2%		(42,944,327)	▼	-5%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	0%		-	0%		-	▲	0%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	3,719,298,178	13%		2,240,414,010	6%		(1,478,884,168)	▼	-40%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	70	-	0%		-	0%		-	▲	0%
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	0%		-	0%		-	▲	0%
	TỔNG CHI PHÍ		24,491,661,839	87%	100%	35,838,226,617	94%	100%	11,346,564,778	▲	46%

SO SÁNH KQKD HAI KỲ



Tỷ suất lợi nhuận qua 2 kỳ



KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019			Thực hiện năm 2019			Ghi chú
		Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ	Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ	
1	Xí nghiệp Mai Lâm	19,361,979,500	19,282,804,041	79,175,459	16,339,315,271	18,045,801,385	-1,706,486,114	
a	Sản xuất VLXD	19,083,627,500	19,077,138,977	6,488,523	15,942,636,060	17,761,465,571	-1,818,829,511	
b	Liên doanh liên kết, cho thuê	278,352,000	205,665,064	72,686,936	396,679,211	284,335,814	112,343,397	
2	Xí nghiệp Không Nung	1,940,805,750	1,942,919,702	-2,113,952	5,047,743,429	4,515,835,512	531,907,917	
a	Sản xuất VLXD	277,245,750	637,323,902	-360,078,152	516,447,179	700,727,647	-184,280,468	
b	Liên doanh liên kết, cho thuê	1,663,560,000	1,305,595,800	357,964,200	4,531,296,250	3,815,107,865	716,188,385	
3	Xí nghiệp Sóc Sơn	3,170,000,000	1,533,784,482	1,636,215,518	3,172,571,127	1,491,834,827	1,680,736,300	
	Thuê khoán	3,170,000,000	1,533,784,482	1,636,215,518	3,172,571,127	1,491,834,827	1,680,736,300	
4	Xí nghiệp Cầu Đuông (thuê khoán)	3,500,000,000	1,947,928,782	1,552,071,218	3,500,000,000	1,422,143,528	2,077,856,472	
5	Cho thuê khác	999,000,000	539,358,766	459,641,234	1,029,000,000	530,347,614	498,652,386	
6	Xí nghiệp xây lắp	5,000,000,000	4,950,000,000	50,000,000	7,512,455,455	7,512,455,455	0	
7	Xí nghiệp cơ khí	2,000,000,000	1,980,000,000	20,000,000	363,236,363	363,236,363	0	
8	Hoạt động khác				1,162,050,895	2,034,016,024	-871,965,129	
9	Doanh thu HĐTC	550,000,000		550,000,000	804,695,107		804,695,107	
	Tổng cộng	36,521,785,250	32,176,795,773	4,344,989,477	38,931,067,647	35,915,670,708	3,015,396,939	

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT

/(ính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Căn cứ Điều 31 và Điều 38, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cầu Đuống ngày 26/4/2019.

HĐQT Công ty cổ phần Cầu Đuống kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao (*sau thuế thu nhập cá nhân*) cho Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty cổ phần Cầu Đuống giữ nguyên như năm 2019, cụ thể như sau:

- + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng
- + Thư ký HĐQT: 500.000 đồng/tháng

* **Riêng thành viên BKS**, để tăng cường các hoạt động trong công tác kiểm soát, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao (*sau thuế thu nhập cá nhân*) của thành viên BKS từ 700.000 đồng/tháng lên thành **1.000.000đ đồng/tháng**.

Mức thù lao được trả từ tháng 5 năm 2020 đến kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, tiền thù lao được trích từ chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty và trả vào cuối quý.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.



Vũ Đình Trường